

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/DS-PT
Ngày: 24-4-2025
“V/v: Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Lam và ông Nguyễn Quang Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số 87/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1960; trú tại: thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị H: ông Lê Văn D, sinh năm 1973; trú tại: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người được nguyên đơn bà Lê Thị H uỷ quyền: bà Phạm Thị M, sinh năm 1998; trú tại: khối V, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; trú tại: xóm P, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Công ty L1 và cộng sự; địa chỉ: P.1002 Tòa K6 đường T, Khu đô thị V, quận L, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị S - chức vụ: Giám đốc

- Bà Nguyễn Thùy L, sinh năm 2001; địa chỉ: P.1002 Tòa K6 đường T, Khu đô thị V, quận L, thành phố Hà Nội

- Ông Vũ Quốc K, sinh năm 2003; địa chỉ: P.1002 Tòa K6 đường T, Khu đô thị V, quận L, thành phố Hà Nội.

- Bà Trần Ánh D1, sinh năm 2003; địa chỉ: P.1002 Tòa K6 đường T, Khu đô thị V, quận L, thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thùy L vắng mặt, bà Nguyễn Thị S, bà Trần Ánh D1, ông Vũ Quốc K có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; trú tại: xóm P, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An có vay của bà Lê Thị H số tiền 1.210.000.000đ (*Một tỷ hai trăm mười triệu đồng*). Cụ thể: ngày 20/10/2022 bà Nguyễn Thị N vay bà Lê Thị H số tiền 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*); ngày 27/5/2022 bà Nguyễn Thị N vay bà Lê Thị H số tiền 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*). Cả hai lần vay tiền bà Nguyễn Thị N đều là người viết giấy vay tiền và ký tên vào mục người vay. Tuy nhiên tại Giấy vay tiền vào ngày 27/5/2022 phía bên dưới ghi “Đồng Văn ngày 26/5/2022” là do bà N nhầm lẫn, viết sai ngày. Tại bản tự khai, biên bản hoà giải, công khai chứng cứ bà H khẳng định bà N vay tiền của bà H vào các ngày 20/10/2022 và ngày 27/5/2022.

Bà Lê Thị H khai không đầu tư bất động sản với bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; trú tại: xóm T, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An, bà H không biết bà T là ai. Số tiền mà bà Nguyễn Thị N chuyển cho bà thì bà H thì bà không nhớ rõ, nhưng đó là tiền hai người chuyển qua chuyển lại cho vay, hỗ trợ lẫn nhau, những lần bà Nguyễn Thị N chuyển khoản cho bà H đều không ghi rõ nội dung và không liên quan đến các giấy vay tiền đề ngày 20/10/2022 với số tiền 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*) và giấy vay tiền ngày 27/5/2022 với số tiền 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*).

Nay bà Lê Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả nợ cho bà Lê Thị H tổng cộng là 1.210.000.000đ (*Một tỷ hai trăm mười triệu đồng*) theo các giấy vay tiền đề ngày 20/10/2022 với số tiền 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*) và giấy vay tiền đề ngày 27/5/2022 với số tiền 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*). Trong các giấy vay tiền các bên có thoả thuận lãi suất, nhưng bà Lê Thị H không yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả lãi suất.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị N bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, bà không vay bà Lê Thị H số tiền 1.210.000.000đ (*Một tỷ hai trăm mười triệu đồng*). Giấy vay tiền đề ngày 20/10/2022 với số tiền 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*) và giấy vay tiền đề ngày 27/5/2022 với số tiền 210.000.000đ (*Hai trăm*

mười triệu đồng) là do bà Lê Thị H ép bà viết giấy nợ. Tại Giấy vay tiền vào ngày 27/5/2022 phía bên dưới ghi “Đồng Văn ngày 26/5/2022” là do bà nhầm lẫn, viết sai ngày, thực chất bà viết giấy vay tiền với số tiền 210.000.000 đồng vào ngày 26/5/2022. Nhưng thực chất các giấy vay tiền viết đó là để hợp thức hoá các khoản tiền mà bà Lê Thị H đầu tư bất động sản với bà Nguyễn Thị T, để bà H và bà N tính toán khoản tiền nơi bà Nguyễn Thị T cho để, nên bà N mới viết ra và ký người vay tiền tại hai giấy vay tiền nói trên.

Về khoản tiền 210.000.000 đồng thì bà Nguyễn Thị N đã thanh toán xong cho bà Lê Thị H cả gốc và lãi là 551.500.000 đồng trong 04 tháng từ 30/4/2022 đến 30/8/2022. Tổng cộng bà Nguyễn Thị N đã chuyển khoản tiền lãi đầu tư cho bà Lê Thị H 07 đợt với tổng số tiền là 689.200.000 đồng (*Sáu trăm tám chín triệu, hai trăm ngàn*) qua 03 số tài khoản sau: Ngân hàng B 134001060000540 mang tên chủ tài khoản Lê Thị H và Ngân hàng T1 19038649399016 mang tên chủ tài khoản Lê Thị H. Ngân hàng B1 5110441092 mang tên chủ tài khoản Nguyễn Thị Thanh N1.

Do bà Lê Thị H đầu tư bất động sản tại Nguyễn Thị T, nên nhà đầu tư là bà T chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị N, nhờ bà N chuyển khoản tiền lãi cho bà Lê Thị H là 689.200.000 đồng (*Sáu trăm tám chín triệu, hai trăm ngàn*), bà N chỉ là người trung gian. Bà Nguyễn Thị N không vay bà Lê Thị H số tiền 1.210.000.000đ (*Một tỷ hai trăm mười triệu đồng*) do đó bà N không yêu cầu căn trừ số tiền 689.200.000 đồng (*Sáu trăm tám chín triệu, hai trăm ngàn*) mà bà đã chuyển khoản cho bà H để trả nợ cho bà Lê Thị H, vì bà Lê Thị H đầu tư bất động sản lời ăn, lỗ chịu.

Việc giao dịch giữa bà Nguyễn Thị N và bà Lê Thị H là không liên quan đến chồng bà N là ông Trịnh Văn M1, sinh năm 1968; trú tại: Xóm P, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền 1.210.000.000 đồng (*Một tỷ, hai trăm mười triệu đồng*) theo các giấy vay tiền đề ngày 20/10/2022 với số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ*) và Giấy vay tiền đề ngày 27/5/2022 với số tiền 210.000.000 đồng (*Hai trăm mười triệu đồng*).

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 48.300.000 đồng (*Bốn tám triệu, ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về các quy định chung về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 05/9/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và nguyên đơn không rút đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: trước khi khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả nợ, bà H đã nhiều lần đến nhà bà N để đòi nợ nhưng bà N đi dạy, cửa đóng nên bà H không gặp được, bà H cũng gọi điện thoại nhiều lần cho bà N nhưng bà N tắt máy, trốn tránh việc trả nợ, về mặt thời gian nguyên đơn không nhớ rõ, cũng không có chứng cứ gì chứng minh sự việc này, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện buộc bà N phải trả cho nguyên đơn số tiền đã vay theo hai giấy vay tiền đã nộp cho Tòa án.

- Bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: bị đơn không nhận được thông tin nào từ bà H về việc yêu cầu trả hai khoản nợ 210.000.000 đồng và 1.000.000.000 đồng mà bà H đã khởi kiện ra Tòa án, đây cũng không phải là khoản vay giữa bà N với bà H mà các giấy vay tiền bà N viết nhằm mục đích hợp thức hóa các khoản đầu tư của bà H nơi bà T mà bà N là trung gian. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ các quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N là đúng quy định tại điều 271, điều 272 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bà Lê Thị H là ông Lê Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về nội dung của các “Giấy vay tiền” đề ngày 27/5/2022 và ngày 20/10/2022 do nguyên đơn Lê Thị H cung cấp.

Nguyên đơn bà Lê Thị H cung cấp giấy vay tiền đề ngày 27/5/2022 với số tiền 210.000.000 đồng và ngày 20/10/2022 với số tiền 1.000.000.000 đồng có chữ ký của bà Nguyễn Thị N. Bà Lê Thị H khẳng định đây là giao dịch vay nợ giữa bà N và bà H, bà Nguyễn Thị N là người đã viết giấy vay tiền này. Giấy vay tiền thể hiện người vay, số tiền vay, lãi suất theo quy định của ngân hàng và không có thời hạn. Đối với giấy vay tiền đề ngày 27/5/2022, người làm chứng là bà Nguyễn Thị Thanh N1 khai nhận bà có chứng kiến việc bà N nhận tiền mặt của bà H tại phòng ngủ bà N1 vào ngày 27/5/2022 nhưng không rõ số tiền là bao nhiêu và bà N1 đã xác nhận làm chứng vào giấy vay tiền.

Bà Nguyễn Thị N không thừa nhận đó là số tiền mà bị đơn vay của nguyên đơn mà là để hợp thức hóa các khoản tiền mà bà Lê Thị H đầu tư bất động sản với bà Nguyễn Thị T thông qua trung gian là bà N. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N khai đã chuyển khoản tiền lãi đầu tư cho bà Lê Thị H 07 đợt với tổng số tiền là 689.200.000 đồng (*Sáu trăm tám chín triệu, hai trăm ngàn*) qua 03 số tài khoản sau: Ngân hàng B 134001060000540 mang tên chủ tài khoản Lê Thị H; Ngân hàng T1 19038649399016 mang tên chủ tài khoản Lê Thị H; Ngân hàng B1 5110441092 mang tên chủ tài khoản Nguyễn Thị Thanh N1. Việc chuyển khoản là do bà Lê Thị H đầu tư bất động sản tại Nguyễn Thị T, nên nhà đầu tư là bà T chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị N, nhờ bà N chuyển khoản trả tiền lãi cho bà Lê Thị H là 689.200.000 đồng, bà N chỉ là người trung gian. Về nội dung các giao dịch chuyển khoản này, bà Lê Thị H khai các bên có nhiều lần chuyển khoản tiền qua lại, nhưng những nội dung chuyển khoản mà bà N cung cấp cho Tòa án không có liên quan đến các khoản vay trong “Giấy vay tiền” đề ngày 27/5/2022 và ngày 20/10/2022.

Qua hoạt động đối chất giữa bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị N về các khoản vay và giao dịch chuyển khoản giữa hai bên, cũng như xem xét tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp, hội đồng xét xử thấy rằng: bị đơn bà Nguyễn Thị N khai là bà bị ép hợp thức hóa các khoản đầu tư bằng các “Giấy vay tiền”, nhưng bà N không có chứng cứ để chứng minh lập luận này; các giao dịch chuyển khoản qua lại giữa bà H và bà N không thể hiện việc xác lập, thực hiện hay chấm dứt nội dung được thể hiện trong “Giấy vay tiền” đề ngày 27/5/2022 và ngày 20/10/2022; lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị H phù hợp với lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị Thanh N1 và các bản gốc “Giấy vay tiền” bà H đã nộp cho Tòa án. Do đó, có căn cứ xác định giao dịch dân sự thể hiện qua “Giấy

vay tiền” đề ngày 27/5/2022 và ngày 20/10/2022 giữa bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị N là giao dịch vay tài sản, có lãi suất và không có kỳ hạn.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn về việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về lãi suất nên hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định.

Nội dung của “Giấy vay tiền” đề ngày 26/5/2022 và ngày 20/10/2022 thể hiện: khi nào bà Lê Thị H cần bà Nguyễn Thị N trả lại các khoản nợ 1.000.000.000 đồng và 210.000.000 đồng thì cần báo trước một tháng. Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm bà Lê Thị H, đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H khai đã đến nhà bà N nhiều lần để đòi nợ nhưng không gặp được bà N, đã gọi cho bà N nhiều lần để yêu cầu trả nợ nhưng bà N tắt máy trốn tránh khoản nợ và không hợp tác. Tuy nhiên, ngoài lời khai này bà Lê Thị H không có chứng cứ chứng minh việc bà Lê Thị H đã báo trước cho bà N một tháng để bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản vay trên cho bà H. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N luôn cho rằng các khoản tiền thể hiện trong 02 giấy vay tiền là số tiền hợp thức hóa các khoản đầu tư, bà N không công nhận giao dịch vay tài sản với bà H, nên chưa từng công nhận nghĩa vụ phải trả nợ cho bà H, cũng như chưa từng nhận được thông báo về việc trả hai khoản nợ trên từ bà H.

Theo quy định của Bộ luật dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự thì cá nhân có quyền khởi kiện vụ án dân sự khi quyền dân sự của cá nhân bị xâm phạm để buộc thực hiện nghĩa vụ (khoản 4 Điều 11 Bộ luật dân sự, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự). Tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: đơn khởi kiện phải có một trong các nội dung chính sau: quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm (điểm g khoản 4); kèm theo đơn khởi kiện phải có tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm (khoản 5). Xét đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án, cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cho thấy: cho đến thời điểm khởi kiện bên cho vay là bà Lê Thị H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà Lê Thị H đã báo trước cho bên vay là bà Nguyễn Thị N một thời gian hợp lý (một tháng) để bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Do đó, không có căn cứ để xác định bà Nguyễn Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Đồng nghĩa với việc không có căn cứ xác định quyền, lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị H bị xâm phạm, cần được bảo vệ.

Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự dẫn chiếu đến điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án do đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật. Việc tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét kỹ đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, cũng như chưa có biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính đáng mà đã tiến hành thụ lý và

giải quyết vụ án, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chưa áp dụng đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Các quyết định tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 28-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn, nên cần hủy bản án dân sự sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án. Khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự khi đủ điều kiện khởi kiện.

[5] Về án phí: Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án nên kháng cáo của bà Nguyễn Thị N được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, hoàn lại cho bà Lê Thị N2 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp. Bà Lê Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí và đã được Tòa án chấp nhận nên miễn án phí cho bà Lê Thị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 271; khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 308 và Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự; a

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N.
2. Hủy bản án sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 28-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 28/2024/TLST- DS ngày 28 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.
3. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự khi đủ điều kiện khởi kiện.
4. Về án phí:
 - Nguyên đơn bà Lê Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.
 - Bị đơn bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm. H1 lại cho bà Nguyễn Thị N 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011860 ngày 20/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Thanh Chương;
- Chi cục THADS huyện Thanh Chương;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TDS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Sơn